TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 50

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số bé nhất trong các số 348, 384, 248, 349 là:

A. 248 **B.** 349 **C.** 384 **D.** 348

Câu 2. Giá trị của biểu thức 77 + 9 × 5 là:

A. 121 **B.** 116 **C.** 430 **D.** 122

Câu 3. Gấp 18 lên 6 lần được:

A. 24 **B.** 126 **C.** 114 **D.** 108

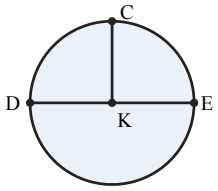
Câu 4. Một phần tám (1/8) của 32 cm là:

A. 6 cm **B.** 4 cm **C.** 256 cm **D.** 24 cm

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 1 cm 2 mm = …… mm

A. 3 **B.** 21 **C.** 12 **D.** 102

Câu 6. Trong hình bên, đường kính DE dài 6 dm. Bán kính KC dài:



A. 12 dm **B.** 6 dm **C.** 3 dm **D.** 4 dm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) …… × 9 = 72

b) …… : 6 = 34

c) …… + 154 = 322

d) 27 : …… = 3

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 5 trăm, 2 chục, 8 đơn vị viết là: ……

b) Số lớn nhất trong các số 801, 109, 148, 215, 165 là: ……

c) Số bé nhất trong các số trên là: ……

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: ……

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9, 12, 15, ……, 21, ……

b) 722, 727, 732, ……, 742, ……

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7 dm 9 cm = …… cm

b) 9 m = …… dm

c) 3 kg = …… g

d) 80 mm = …… cm

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 7 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 12 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 30 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Bài 6. Mỗi hộp có 8 cái bánh. Lan mua 3 hộp bánh và 8 cái bánh lẻ. Hỏi Lan mua tất cả bao nhiêu cái bánh?

a) 3 hộp có: …… cái bánh

b) Tất cả có: …… cái bánh

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 50

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	D	D	B	C	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 72 : 9 = 8

b) 34 × 6 = 204

c) 322 − 154 = 168

d) 27 : 3 = 9

Bài 2.

a) 528

b) Số lớn nhất là 801

c) Số bé nhất là 109

d) 801 + 1 = 802

Bài 3.

a) Đếm thêm 3: 9, 12, 15, 18, 21, 24

b) Mỗi số hơn số trước 5 đơn vị: 722, 727, 732, 737, 742, 747

Bài 4.

a) 7 dm 9 cm = 79 cm (vì 1 dm = 10 cm)

b) 9 m = 90 dm (vì 1 m = 10 dm)

c) 3 kg = 3000 g (vì 1 kg = 1000 g)

d) 80 mm = 8 cm (vì 10 mm = 1 cm)

Bài 5.

a) 7 × 2 = 14 (cm)

b) 12 : 2 = 6 (dm)

c) 30 : 2 = 15 (mm)

Bài 6.

3 hộp: 8 × 3 = 24 (cái)

Tất cả: 24 + 8 = 32 (cái)